TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Gái;
2. Bà Nguyễn Thị Luyến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐ-ST ngày 15/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Hoài P, địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Lê Thị Thu S, địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khu phố C, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Mai Hoài P trình bày:

Anh Mai Hoài P và chị Lê Thị Thu S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09/10/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ, tỉnh

Quảng Trị. Quá trình chung sống do không hợp tính tình và quan điểm sống nên hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh P cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ngày 14/11/2020, chị S qua nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào làm ăn, sinh sống và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Anh P thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị S.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh P và chị S có 01 con chung là cháu Mai Thiên A, sinh ngày 27/6/2020, hiện nay cháu A đang ở với anh P. Anh P có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Thu S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh P.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/12/2022, ông Lê Văn Dương là bố đẻ của chị Lê Thị Thu S trình bày:

Chị S và anh P kết hôn năm 2018. Tháng 11/2020, chị S đi sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào làm ăn, sinh sống, mâu thuẫn giữa chị S và anh P gia đình không được rõ. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của chị S tại Lào, nhưng chị S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội Facebook, Zalo. Ông Lê Văn D cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị S và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho chị S được biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Lào nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho anh Mai Hoài P được ly hôn chị Lê Thị Thu S.

+ Về con chung: Giao cháu Mai Thiên A, sinh ngày 27/6/ cho anh Mai Hoài P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Mai Hoài P chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Mai Hoài P yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thu S khi chị S đang làm ăn, sinh sống tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh P và gia đình chị S không cung cấp được địa chỉ của chị S tại Lào, nhưng phía gia đình của chị S vẫn thường xuyên liên lạc với chị S qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội facebook, Zalo. Gia đình chị S nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho chị S nhưng chị S không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh P nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hoài P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Mai Hoài P và chị Lê Thị Thu S trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị S qua Lào làm ăn, sinh sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh P kiên quyết ly hôn, chị S không liên lạc với anh P để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa anh P và chị S là không thể hàn gắn

được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P được ly hôn chị S.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh P và chị S có 01 con chung là cháu Mai Thiên A, sinh ngày 27/6/2020. Mặc dù cháu Ân dưới 36 tháng tuổi nhưng chị S không quan tâm, nuôi dưỡng con. Cháu Ân hiện đang được anh P chăm sóc, nuôi dưỡng và xét nguyện vọng nuôi con của anh P thấy rằng, cần giao cháu Ân cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển của cháu. Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Mai Hoài P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Hoài P được ly hôn chị Lê Thị Thu S.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Thiên A, sinh ngày 27/6/2020 cho anh Mai Hoài P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Lê Thị Thu S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Thu S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mai Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Mai Hoài P đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV,
- Tổ HCTP;
- UBND Phường 1, TP Đ;
- Lưu:Hồ sơ vụ án; VP Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà